TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 16 tháng 04 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lường Văn H**,** sinh năm 1986
Nơi ĐKNKTT: Bản Tà C, xã Nà T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.
Bị đơn: Chị Lò Thị Th**,** sinh năm 1986.
Nơi ĐKNKTT: Bản Tà C, xã Nà T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.
Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 04 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lường Văn H và chị Lò Thị Th

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con cháu Lường Văn Th sinh ngày 18/01/2007 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Th được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lường Anh T sinh ngày 26/11/2011 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về; nợ phải trả và diện tích ruộng nương: Anh H và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng Anh H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002921 ngày 20/12/2018 tại Chi cục THADS huyện Điện Biên, anh H được trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Ảng C, huyện Mường A (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Hà